

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN**

I. ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH NĂM 2020

Trong năm 2020, Công ty sẽ không còn được ghi nhận doanh thu 200 tỷ từ phân bổ khoản hỗ trợ 600 tỷ đồng trong khi lợi nhuận của các Công ty Tân Hiệp, Gia lai, Dankia, BOO không đủ bù đắp các khoản lỗ từ dự án Củ chi và SG-Pleiku nên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty sẽ bị lỗ. Tuy nhiên, Công ty sẽ tiếp tục nỗ lực để giải quyết những khó khăn về sản xuất cũng như tài chính. Các mục tiêu và giải pháp chủ yếu như sau:

1. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các dự án, các Công ty thành viên

- Dự án Củ Chi:

- Tăng số lượng khách hàng khối sản xuất, qua đó tăng sản lượng ghi thu và giá bán bình quân.
- Tiếp tục làm việc với UBND Thành phố, các sở ban ngành và ban quản lý của các KCN trên địa bàn để thúc đẩy việc chuyển từ nước ngầm sang sử dụng nước mặt do Công ty cung cấp. Cùng với đó, Công ty sẽ làm việc với các đơn vị cấp nước khác trên địa bàn có giải pháp chia sẻ quyền lợi, hợp tác cung cấp nước cho các doanh nghiệp trong KCN.

- Công ty Saigon Dankia: thực hiện việc tăng sản lượng tiếp nhận của Công ty Cổ phần Cấp nước Lâm Đồng từ 25.000 m³/ngày đêm lên 27.000 m³/ngày đêm.

- Công ty cổ phần cấp thoát nước Gia lai

- Tăng cường các giải pháp giảm thất thoát nước;
- Phối hợp với BQL dự án TP Pleiku thực hiện các thủ tục đầu tư cải tạo thay thế mạng cấp nước trong dự án cải tạo và nâng cấp đô thị.
- Tăng cường ứng dụng CNTT trong quản lý;

- Phối hợp với SXD, sở TNMT thực hiện công tác thanh tra tình hình sử dụng nước ngầm tại các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố.
- Công ty SG-Pleiku
 - Kiểm soát chi phí hoạt động, tiết giảm chi phí;
 - Làm việc với khu CN Trà đa để cung cấp nước trong thời gian sớm nhất.
- 2. Giải quyết các nghĩa vụ tài chính thông qua việc khai thác các tài sản hiện có và tìm kiếm các nguồn tài chính:**
 - Huy động các nguồn vốn mới: thu hồi các tài sản đang được thế chấp tại các ngân hàng để tìm kiếm và huy động các nguồn vốn mới.
 - Đề nghị UBND TP sớm thực hiện các cam kết trong đề án 3504 (phí nước thô, phí vận chuyển).
- 3. Công tác quản lý điều hành**
 - Rà soát lại công tác quản lý (công tác bố trí nhân sự, công tác tiền lương, công tác quản lý các chi phí khác) để giảm chi phí hoạt động, tăng thu nhập cho người lao động;
 - Tích cực làm việc với cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm thực hiện các cam kết trong đề án 3504 (củ chi), tăng sản lượng, thay đổi cơ cấu khách hàng theo hướng tăng tỷ trọng khách hàng doanh nghiệp, sản xuất.
 - Cấu trúc lại các đơn vị thành viên, thoái vốn Công ty SG-An Khê và một số Công ty thành viên để giải quyết khó khăn về tài chính;
 - Tăng cường các giải pháp kỹ thuật để giảm thất thoát nước, giảm tiêu hao điện năng;
 - Áp dụng CNTT trong quản lý, tăng cường các kênh thu hộ để giảm chi phí hoạt động, nâng cao chất lượng dịch vụ.

II. KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2020

Một số thông số và giả định chủ yếu trong kế hoạch kinh doanh năm 2020 như sau:

- Không còn ghi nhận doanh thu từ phân bổ khoản hỗ trợ 600 tỷ;
- Sản lượng ghi thu của Saigon Dankia tăng lên 27.000 m³/ngày so với 25.000 m³/ngày trong năm 2019;
- Tân Hiệp dự kiến tăng sản lượng lên 300.000 m³/ngày từ Q3/2020;

Hội đồng Quản trị đề xuất kế hoạch kinh doanh hợp nhất năm 2020 như sau:

- | | |
|---|----------------|
| - Tổng doanh thu: | 275,39 tỷ đồng |
| - Tổng chi phí: | 316,33 tỷ đồng |
| - Lợi nhuận sau thuế: | -40,94 tỷ đồng |
| - Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ | -39,81 tỷ đồng |

Trong đó, lợi nhuận của từng công ty thành viên như sau:

Công ty/Dự án	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)
SII mẹ	42,79
Dự án Cù Chi	(122,66)
CTCP Kỹ thuật Enviro	1,20
Saigon - Dankia	9,61
Saigon - Pleiku	(3,82)
Saigon - An Khê	(3,13)
CTCP CTN Gia Lai	1,99
CTCP Đầu tư nước Tân Hiệp	68,44
Điều chỉnh hợp nhất	(35,36)
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	(40,94)
Lợi ích của cổ đông thiểu số	(1,14)
LNST CỦA CỔ ĐÔNG CTY MẸ	(39,81)

(Chi tiết Kế hoạch kinh doanh năm 2020 của các Công ty thành viên vui lòng xem ở Phụ lục)

III. KIẾN NGHỊ

Dựa theo kế hoạch kinh doanh năm 2020 của SII và các công ty thành viên và công ty liên kết như trên, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn kính trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2019 thông qua các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 như sau:

1. Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020:

– Tổng doanh thu:	275,39 tỷ đồng
– Tổng chi phí:	316,33 tỷ đồng
– Lợi nhuận sau thuế:	-40,94 tỷ đồng
– Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	-39,81 tỷ đồng

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020:

- Trích lập quỹ: Không trích lập các quỹ do Công ty bị lỗ.
- Cổ tức: Không chia cổ tức năm 2019.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP (2).



PHỤ LỤC

KẾ HOẠCH KINH DOANH CHI TIẾT NĂM 2020 CỦA CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN VÀ LIÊN KẾT

1. SII mẹ

Chỉ tiêu	2019	2020	2020 vs. 2019
Doanh thu	23,98	57,78	141%
Chi phí	12,98	13,38	3%
EBITDA	11,00	44,39	303%
Khấu hao văn phòng và hành chính	(0,46)	0,22	-147%
Doanh thu lãi tiền gửi, cho vay	17,74	7,30	-59%
Chi phí tài chính	79,05	8,31	-89%
Chi phí khác	0,99	0,24	-76%
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	(50,83)	42,92	-184%
Thuế TNDN	(8,87)	0,13	-101%
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	(41,95)	42,79	-202%

2. Dự án Củ Chi

Chỉ tiêu	2019	2020	2020 vs. 2019
<i>Tổng sản lượng theo năm (tr.m3)</i>	<i>8,41</i>	<i>10,34</i>	<i>23%</i>
<i>Sản lượng hàng ngày (m3/ngày)</i>	<i>23.050</i>	<i>28.257</i>	<i>23%</i>
<i>Giá bình quân (VND/m3)</i>	<i>7.121</i>	<i>7.533</i>	<i>6%</i>
Doanh thu nước và dịch vụ	59,91	77,91	30%
Thu nhập khác	200,52	1,20	-99%
TỔNG DOANH THU	260,43	79,11	-70%
Tổng chi phí trực tiếp	52,69	56,40	7%
Tổng chi phí gián tiếp	17,02	20,61	21%
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	69,71	77,00	10%
LN trước thuế và KH	190,72	2,11	-99%
Khấu hao nhà máy, cơ sở vật chất	64,37	64,80	1%
Khấu hao văn phòng, hành chính	1,05	0,48	-54%
Doanh thu tài chính	3,11	-	-100%
Chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá	64,48	59,49	-8%
Chi phí khác	0,04	-	-100%
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	63,90	(122,66)	-292%
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	45,93	(122,66)	-367%

3. Enviro

Chỉ tiêu	2019	2020	2020 vs. 2019
TỔNG DOANH THU	16,31	16,80	3%
Chi phí trực tiếp	15,27	15,12	-1%
Chi phí gián tiếp	12,76	0,60	-95%
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	28,03	15,72	-44%
EBITDA	(11,72)	1,08	-109%
Khấu hao nhà máy, cơ sở vật chất	0,17	-	-100%
Thu nhập tài chính	0,62	0,42	-32%

Chỉ tiêu	2019	2020	2020 vs. 2019
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	(11,53)	1,50	-113%
Thuế TNDN	-	0,30	0%
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	(11,53)	1,20	-110%

4. Saigon Dankia

Chỉ tiêu	2019	2020	2020 vs. 2019
<i>Tổng sản lượng theo năm (tr.m3)</i>	<i>9,19</i>	<i>9,86</i>	<i>7%</i>
<i>Sản lượng hàng ngày (m3/ngày)</i>	<i>25.170</i>	<i>27.000</i>	<i>7%</i>
<i>Giá bình quân (VND/m3)</i>	<i>5.896</i>	<i>5.896</i>	<i>0%</i>
TỔNG DOANH THU	54,17	58,11	7%
Chi phí trực tiếp	27,52	29,92	8%
Chi phí gián tiếp	3,42	3,51	2%
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	30,94	33,42	8%
EBITDA	23,23	24,68	7%
Khấu hao nhà máy, cơ sở vật chất	11,04	11,60	5%
Khấu hao văn phòng, hành chính	0,74	0,77	4%
Chi phí tài chính	3,44	2,19	-36%
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	8,01	10,12	27%
Thuế TNDN	0,40	0,51	27%
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	7,61	9,61	27%

5. Saigon Pleiku

Chỉ tiêu	2019	2020	2020 vs. 2019
<i>Tổng sản lượng theo năm (tr.m3)</i>	<i>2,42</i>	<i>0,68</i>	<i>-72%</i>
<i>Sản lượng hàng ngày (m3/ngày)</i>	<i>6.621</i>	<i>1.870</i>	<i>-72%</i>
<i>Giá bình quân (VND/m3)</i>	<i>4.634</i>	<i>4.634</i>	<i>0%</i>
Doanh thu thuần	11,20	3,16	-72%
Chi phí trực tiếp	4,34	1,27	-71%
Chi phí gián tiếp	1,78	0,44	-75%
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	6,12	1,71	-72%
EBITDA	5,08	1,45	-71%
Khấu hao nhà máy, cơ sở vật chất	8,29	2,07	-75%
Khấu hao văn phòng, hành chính	0,08	0,02	-75%
Chi phí tài chính	11,28	3,18	-72%
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	(14,58)	(3,82)	-74%
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	(14,58)	(3,82)	-74%

6. Saigon An Khê

Chỉ tiêu	2019	2020	2020 vs. 2019
<i>Tổng sản lượng theo năm (tr.m3)</i>	<i>1,25</i>	<i>0,51</i>	<i>-59%</i>
<i>Sản lượng hàng ngày (m3/ngày)</i>	<i>3.423</i>	<i>1.397</i>	<i>-59%</i>
<i>Giá bình quân (VND/m3)</i>	<i>5.967</i>	<i>7.117</i>	<i>19%</i>
TỔNG DOANH THU	10,38	3,94	-62%

Chỉ tiêu	2019	2020	2020 vs. 2019
Chi phí trực tiếp	7,45	2,13	-71%
Chi phí gián tiếp	1,57	0,21	-87%
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	9,01	2,33	-74%
EBITDA	1,37	1,61	18%
Khấu hao nhà máy, cơ sở vật chất	7,57	1,60	-79%
Khấu hao văn phòng, hành chính	0,03	0,01	-72%
Chi phí tài chính	11,64	3,12	-73%
Chi phí khác	0,04	-	-100%
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	(17,91)	(3,13)	-83%
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	(17,91)	(3,13)	-83%

7. Gia Lai WASSCO

Chỉ tiêu	2019	2020	2020 vs. 2019
<i>Tổng sản lượng theo năm (tr.m3)</i>	<i>6,20</i>	<i>1,87</i>	<i>-70%</i>
<i>Sản lượng hàng ngày (m3/ngày)</i>	<i>16.996</i>	<i>5.102</i>	<i>-70%</i>
<i>Giá bình quân (VND/m3)</i>	<i>7.250</i>	<i>8.134</i>	<i>12%</i>
Doanh thu thuần	51,36	15,19	-70%
Thu nhập khác	3,15	0,13	-96%
TỔNG DOANH THU	54,51	15,41	-72%
Chi phí trực tiếp	32,40	8,52	-74%
Chi phí gián tiếp	10,21	2,71	-73%
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	42,61	11,22	-74%
EBITDA	11,89	4,19	-65%
Khấu hao tài sản cố định	9,37	2,35	-75%
Thu nhập tài chính	1,14	0,24	-79%
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	2,70	2,08	-23%
Thuế TNDN	0,09	0,09	-3%
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	2,90	1,99	-31%

8. Tân Hiệp 2

Chỉ tiêu	2019	2020	2020 vs. 2019
<i>Tổng sản lượng theo năm (tr.m3)</i>	<i>88,81</i>	<i>100,70</i>	<i>13%</i>
<i>Sản lượng hàng ngày (m3/ngày)</i>	<i>243.314</i>	<i>275.890</i>	<i>13%</i>
<i>Giá bình quân (VND/m3)</i>	<i>4.051</i>	<i>4.314</i>	<i>6%</i>
TỔNG DOANH THU	359,77	434,42	21%
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	142,13	153,24	8%
EBITDA	217,64	281,18	29%
Khấu hao tài sản cố định	53,26	53,26	0%
Chi phí tài chính	63,84	60,38	-5%
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	100,69	167,54	66%
Thuế TNDN	-	8,38	0%
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	100,69	159,16	58%
LỢI NHUẬN GHI NHẬN VÀO SII	43,29	68,44	58%

